

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Theo mẫu tại Phụ lục II – Kèm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ)

VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CỦA CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPROSIMEX

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung được cung cấp tại:

TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY
TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM

Trụ sở chính: Số 51 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Website: www.datc.vn

Điện thoại: (84-24) 3945 4738 Fax: (84-24) 3945 4737

Hà Nội, tháng 10/2021

MỤC LỤC

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	4
II. CÁC KHÁI NIỆM.....	4
III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG.....	5
1. Tên chủ sở hữu lô cổ phần kèm nợ phải thu chuyển nhượng và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	5
2. Mối quan hệ với công ty cổ phần có lô cổ phần kèm nợ phải thu đầu tư cần chuyển nhượng.....	6
3. Số cổ phần sở hữu.....	6
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG (CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPROSIMEX)	6
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
2. Cơ cấu tổ chức công ty:	11
3. Cơ cấu cổ đông	14
4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất	14
5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	21
6. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2021	21
7. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	21
8. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu	23
9. Thông tin về Khoản nợ phải thu tại Haprosimex bán kèm cổ phần	23
V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU.....	25
1. Loại cổ phần	25
2. Mệnh giá.....	25
3. Lô cổ phần kèm nợ phải thu dự kiến chuyển nhượng	25
4. Giá khởi điểm đấu giá	25
5. Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm.....	25
6. Phương thức chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu	26
7. Tổ chức thực hiện bán đấu giá.....	27
8. Thời gian thực hiện chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu	27
9. Thời gian đăng ký mua lô cổ phần kèm nợ phải thu dự kiến	27

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	27
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu.....	27
12. Các loại thuế có liên quan:	27
13. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu:	27
VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU	28
VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI CHUYỂN NHƯỢNG LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU	28
1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá.....	28
2. Tổ chức kiểm toán	28
3. Tổ chức thẩm định giá:	28
VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM KHOẢN NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG.....	29
IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG	29

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tổ chức là chủ sở hữu lô cổ phần kèm nợ phải thu chuyển nhượng

CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM

Ông: Nguyễn Hải Đông

Chức vụ: Phó Trưởng ban Phụ trách Ban Mua bán nợ 1

(Theo Giấy ủy quyền số 40/UQ-MBN ngày 01/10/2021 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

II. CÁC KHÁI NIỆM**1. Trong Bản công bố thông tin này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau**

- Tổ chức là chủ sở hữu lô cổ phần kèm nợ phải thu chuyển nhượng: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam
- DATC: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam
- Công ty có lô cổ phần kèm nợ phải thu của chủ sở hữu lô cổ phần kèm nợ phải thu chuyển nhượng/ HAPROSIMEX: Công ty Cổ phần Tập đoàn Haprosimex
- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc
- Bản công bố thông tin: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
- Điều lệ: Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Haprosimex đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Haprosimex thông qua.
- Vốn điều lệ: Là số vốn do các cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty.
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau

- | | |
|---------|-----------------------|
| - BCTC | Báo cáo tài chính |
| - BKS | Ban kiểm soát |
| - ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| - ĐKDN | Đăng ký doanh nghiệp |
| - HĐQT | Hội đồng quản trị |
| - TGD | Tổng giám đốc |
| - TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| - CTCP | Công ty Cổ phần |
| - CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| - SXKD | Sản xuất kinh doanh |

III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CHUYÊN NHƯỢNG**1. Tên chủ sở hữu lô cổ phần kèm nợ phải thu chuyển nhượng và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Tên chủ sở hữu lô cổ phần kèm nợ phải thu chuyển nhượng:**

- | | |
|---|--|
| - Tên chủ sở hữu lô cổ phần kèm nợ phải thu chuyển nhượng | CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM |
| - Tên giao dịch: | CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM |
| - Tên viết tắt: | DATC |
| - Trụ sở chính: | Số 51 Phố Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội |
| - Điện thoại: | (84-24) 3945 4738 |
| - Fax: | (84-24) 3945 4737 |
| - Logo |  |
| - Giấy chứng nhận ĐKDN: | Số 0101431355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/12/2003, thay đổi lần thứ 7 ngày 26/04/2021. |
| - Vốn điều lệ: | 6.000.000.000.000 đồng (Sáu nghìn tỷ đồng) |

1.2. *Quá trình hình thành và phát triển*

Thực hiện Nghị Quyết Hội nghị lần thứ 3 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 109/2003/QĐ-TTG ngày 5/6/2003 thành lập Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp, với vốn điều lệ 2.000.000.000.000 đồng do Ngân sách Nhà nước cấp và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/1/2004, được công nhận Doanh nghiệp Nhà nước hạng đặc biệt theo Quyết định số 55/2004/QĐ - TTg ngày 06/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu xử lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản không cần dùng, chờ thanh lý, vật tư ứ đọng kém, mất phẩm chất (gọi tắt là nợ và tài sản tồn đọng) góp phần lành mạnh hoá tình hình tài chính doanh nghiệp, thúc đẩy quá trình sắp xếp và chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước.

Ngày 29/4/2014 Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng doanh nghiệp chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức công ty TNHH nhà nước một thành viên và đồng thời đổi tên công ty thành Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam, mã số doanh nghiệp 0101431355 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 26 tháng 04 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp

Kể từ khi thành lập tới nay, với tiềm năng và sự nhiệt huyết, sáng tạo sẵn có của đội ngũ cán bộ nhân viên và sự nhạy bén, dày dặn kinh nghiệm từ Ban Lãnh đạo, Công ty đã không ngừng nỗ lực phấn đấu, đổi mới, ngày một lớn mạnh với từng bước đi vững chắc, gây dựng niềm tin ở các nhà đầu tư cũng như sự tin nhiệm của khách hàng đối với hoạt động của Công ty. Hiện nay, phạm vi hoạt động của Công ty đã được mở rộng, ngoài Trụ sở chính tại Hà Nội còn có thêm các Chi nhánh, Trung tâm tại Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh và các đơn vị thành viên khác trên khắp các địa bàn trong cả nước.

2. **Mối quan hệ với công ty cổ phần có lô cổ phần kèm nợ phải thu đầu tư cần chuyển nhượng**

DATC là cổ đông nắm cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Tập đoàn Haprosimex.

3. **Số cổ phần sở hữu**

Số cổ phần thuộc sở hữu của DATC tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Haprosimex là **11.974.500** cổ phần (chiếm tỷ lệ **99,79%** tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).

IV. **TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYÊN NHƯỢNG (CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPROSIMEX)**

1. **Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

1.1. *Thông tin chung*

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPROSIMEX
- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: HAPROSIMEX GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Tên gọi tắt: HAPROSIMEX GROUP.,JSC
- Trụ sở chính: Số 22, phố Hàng Lược, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3928112
- Fax: (84-24) 3864014
- Giấy chứng nhận ĐKDN: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101724 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/12/2010, thay đổi lần thứ 02 ngày 01/08/2017
- Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng)
- Lĩnh vực kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	4742	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh
2	4751	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh
3	4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
4	4753	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh
5	4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
6	4761	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
7	4763	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh
8	4764	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh
9	4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
10	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
11	4774	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh
12	4781	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ
13	4782	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ
14	4789	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ
15	4791	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet
16	4799	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu
17	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
18	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác
19	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

20	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
21	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ
22	5224	Bốc xếp hàng hóa
23	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
24	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
25	5590	Cơ sở lưu trú khác
26	4741	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
27	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
28	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)
29	5629	Dịch vụ ăn uống khác
30	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống
31	6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
32	6311	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
33	6329	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
34	7020	Hoạt động tư vấn quản lý
35	7710	Cho thuê xe có động cơ
36	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
37	7740	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính
38	7810	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm
39	7820	Cung ứng lao động tạm thời
40	7830	Cung ứng và quản lý nguồn lao động
41	8110	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
42	8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
43	8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
44	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
45	9620	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú
46	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
47	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
48	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
49	1311	Sản xuất sợi
50	1312	Sản xuất vải dệt thoi
51	1313	Hoàn thiện sản phẩm dệt
52	1321	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác
53	1322	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)
54	1329	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu

55	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
56	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
57	3700	Thoát nước và xử lý nước thải
58	3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại
59	3822	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại
60	3830	Tái chế phế liệu
61	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
62	4100	Xây dựng nhà các loại
63	4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
64	4220	Xây dựng công trình công ích
65	4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
66	4311	Phá dỡ
67	4321	Lắp đặt hệ thống điện
68	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
69	1410	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)
70	1420	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú
71	1430	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc
72	1629	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện
73	1811	In ấn
74	1812	Dịch vụ liên quan đến in
75	2029	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu
76	2030	Sản xuất sợi nhân tạo
77	2100	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu
78	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
79	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
80	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
81	2819	Sản xuất máy thông dụng khác
82	2826	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da
83	3100	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
84	3230	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao
85	3240	Sản xuất đồ chơi, trò chơi
86	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
87	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
88	3313	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học
89	3314	Sửa chữa thiết bị điện
90	3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
91	3319	Sửa chữa thiết bị khác
92	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

93	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
94	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
95	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
96	4631	Bán buôn gạo
97	4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
98	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
99	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
100	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
101	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
102	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
103	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
104	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
105	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
106	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
107	4690	Bán buôn tổng hợp
108	4711	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
109	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
110	4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Haprosimex, tiền thân là Liên hiệp xã Tiểu thủ Công nghiệp Hà Nội. Theo Quyết định số 528/QĐ-UB ngày 29/01/1993 của UBND thành phố Hà Nội, công ty được thành lập với tên gọi ban đầu là Công ty sản xuất dịch vụ và xuất nhập khẩu – tiểu thủ công nghiệp Hà Nội. Ngày 30/8/1993, UBND thành phố ra Quyết định số 3236/QĐ-UB đổi tên thành Công ty sản xuất xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội (Haprosimex).

Năm 1993, Công ty thành lập Xí nghiệp may xuất khẩu Thanh trì: Công ty đã đầu tư 15 tỷ đồng để mua sắm 9 dây chuyền thiết bị may và xây dựng nhà xưởng mới, thu hút 1.300 lao động. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty liên tục mở rộng đầu tư vào sản xuất với tổng số tiền 69 tỷ đồng để mở rộng và nâng cấp thêm 4 xưởng sản xuất, 1 xưởng thuê và 30 dây chuyền sản xuất mới.

Năm 1996, Công ty đã đầu tư 400.000 USD thành lập Xí nghiệp Mũ xuất khẩu, ban đầu có 03 dây chuyền sản xuất với 300 lao động, với gần 15 tỷ đồng để đầu tư máy móc, thiết bị, nhà xưởng... Cũng trong năm 1996 công ty thành lập chi nhánh HAPROSIMEX tại Đồng Nai (nay là chi nhánh HAPROSIMEX tại TP Hồ Chí Minh) để đẩy mạnh hoạt động XNK tại phía Nam.

Năm 2001, Công ty đã góp vốn với Công ty MSA của Hàn Quốc thành lập công ty liên doanh MSA-HAPRO chuyên sản xuất hàng may mặc với tổng mức vốn đầu tư 3.000.000 USD (trong đó Công ty góp 40% vốn pháp định, Hàn Quốc 60% vốn pháp định). Đầu quý III năm 2006, Công ty đã đưa vào hoạt động chi nhánh sản xuất hàng may mặc tại khu công nghiệp Phố Nối A với tổng mức đầu tư 2 triệu USD nhằm tăng doanh thu, kim ngạch xuất khẩu, tăng chỉ tiêu kinh tế xã hội, giải quyết công ăn việc làm cho hơn 800 lao động.

Năm 2004, công ty tiếp tục triển khai hợp tác kinh doanh với đối tác MSA KOREA, thành lập thêm ty Liên Doanh Haprosimex – MSA với tổng mức đầu tư 8.200.000 USD (trong đó công ty góp 60% vốn pháp định, Hàn Quốc 40% vốn pháp định) nhằm xây dựng và khai thác toà nhà văn phòng cho thuê.

Đến ngày 08/03/2006, UBND thành phố Hà Nội có Quyết định số 23/2006/QĐ-UB cho phép Haprosimex chuyển đổi sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ-Công ty con. Năm 2007, Công ty đầu tư dự án nhà máy dệt kim tại khu công nghiệp Ninh Hiệp với hệ thống máy móc thiết bị đồng bộ hiện đại với vốn đầu tư gần 300 tỷ đồng, công suất thiết kế 2.700 tấn/năm, tương ứng với 10 triệu áo T-Shirt, Polo-Shirt qui chuẩn và 2 triệu bộ quần áo thể thao, chính thức hoạt động sản xuất từ năm 2008.

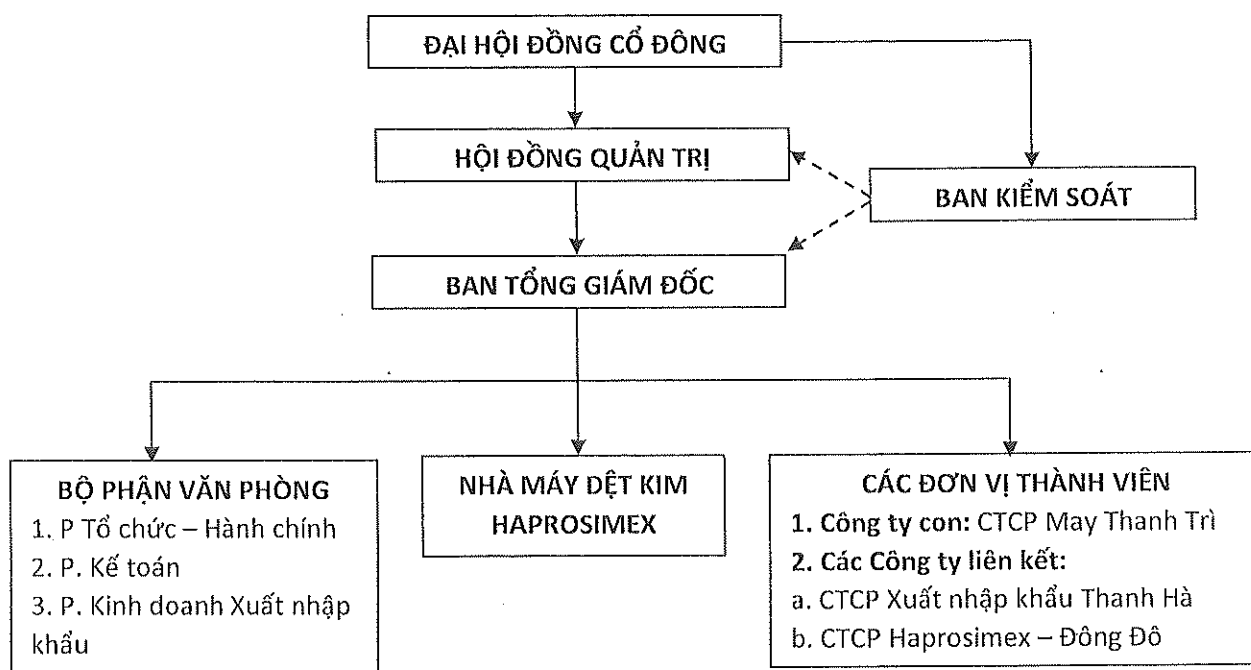
Năm 2009, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế và đầu tư dàn trải, thiếu vốn lưu động nên các hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty chững lại. Năm 2010, chi nhánh HCM hoạt động thua lỗ và gần như chấm dứt hoạt động do bị khách hàng chiếm dụng vốn. Năm 2010, toàn bộ các ngân hàng cho vay hoạt động sản xuất và kinh doanh đột ngột cắt tín dụng nên hoạt động càng khó khăn hơn.

Ngày 13/07/2010, UBND Tp. Hà Nội đã có Quyết định số 3465/QĐ-UBND về việc chuyển Công ty Mẹ - Công ty sản xuất- xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội thành Công ty TNHH một thành viên Haprosimex hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con.

Từ năm 2012 đến 2017, Công ty hoạt động cầm chừng. Hoạt động xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ bị đình đốn. Duy trì hoạt động Dệt may cầm chừng, Nhà máy Dệt kim Haprosimex chỉ đạt 20% công suất thiết kế, hiện nay chủ yếu gia công cho các đơn vị tư nhân trong nước và một số doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

Căn cứ Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 01/09/2016, Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 về việc phê duyệt và điều chỉnh, bổ sung phương án tái cơ cấu chuyển đổi Công ty TNHH MTV Haprosimex thành Công ty cổ phần Tập đoàn Haprosimex, ngày 01/08/2017, Công ty TNHH MTV Haprosimex chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Haprosimex theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101724 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/08/2017.

2. Cơ cấu tổ chức công ty:



Nguồn: Haprosimex

Trong đó:

- ❖ **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, ...
- ❖ **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. HĐQT tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- ❖ **Ban kiểm soát:** Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. BKS có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho ĐHĐCĐ và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

- ❖ **Ban Tổng giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Các Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- ❖ **Các phòng ban chức năng:**

- **Phòng Tổ chức – Hành chính**

- + Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc triển khai công tác quản lý tiền lương, thu nhập, công tác phát triển nguồn nhân lực, công tác tổ chức cán bộ trong toàn Công ty.
- + Tổ chức xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương; lập và quản lý hồ sơ lao động, hợp đồng lao động của toàn thể CBCNV trong Công ty.
- + Tuyển dụng lao động có chất lượng cao đáp ứng với yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng và nhu cầu SXKD của Công ty. Lập kế hoạch và tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho CBCNV, tổ chức nâng bậc, nâng lương hàng năm.
- + Lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện giải quyết các chế độ, chính sách của nhà nước và Công ty có liên quan đến người lao động.
- + Giữ chức năng thường trực Hội đồng kỷ luật, Hội đồng bảo hộ lao động và giám sát công tác PCCN, bảo vệ môi trường của Công ty.
- + Xây dựng và giám sát thực hiện các Nội quy, quy chế của Công ty đảm bảo đáp ứng với thực tế SXKD của Công ty và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- + Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc bảo vệ tài sản, giữ gìn an ninh trật tự trong toàn Công ty.
- + Thực hiện nghiệp vụ hành chính, quản lý đất đai, nhà xưởng, phương tiện vận tải và cung cấp thiết bị văn phòng toàn Công ty.
- + Tổ chức và triển khai thực hiện chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho CBCNV, tổ chức khám sức khoẻ định kỳ, giới thiệu lên tuyến trên khám và điều trị cho CBCNV theo chế độ của nhà nước.

- Phòng Kế toán:

- + Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc về mặt quản lý tài chính, có kế hoạch, cung ứng vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hạch toán kế toán trong toàn Công ty.
- + Tổ chức và triển khai các quy định của Nhà nước về kế toán thống kê, quản lý các đối tượng tài chính theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Công ty.
- + Tổ chức hạch toán nội bộ và phân tích hoạt động kinh tế hàng năm của Công ty.
- + Tổ chức lưu trữ toàn bộ chứng từ, sổ sách và biểu kế toán theo quy định hiện hành.
- + Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp sử dụng nguồn tiền, vốn một cách hiệu quả để tư vấn cho Ban Tổng giám đốc.
- + Quản lý, sử dụng hoá đơn tự in của Công ty theo đúng hướng dẫn của cơ quan thuế và quy định của Công ty.

- Phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu:

- + Tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty về chiến lược phát triển thị trường xuất nhập khẩu; xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh xuất nhập khẩu.
- + Tổ chức mạng lưới khách hàng, đối tác cho cả đầu vào và đầu ra của công ty; trực tiếp thực hiện các thủ tục về nghiệp vụ xuất, nhập khẩu hàng hóa, thanh toán với bạn hàng.....

❖ Nhà máy Dệt kim Haprosimex:

Là Nhà máy trực thuộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Haprosimex. Nhà máy dệt kim được đặt tại khu công nghiệp Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội. Ngành nghề kinh doanh chính là: Sản xuất các loại sản phẩm dệt may để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa, kinh doanh, xuất nhập khẩu các mặt hàng, vật tư nguyên liệu, máy móc, thiết bị phụ tùng, phương tiện cho các ngành sản xuất hàng dệt, nhuộm, may. Thị trường kinh doanh chủ yếu là xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc... chiếm khoảng 90% doanh thu, phần còn lại tiêu thụ tại thị trường nội địa. Hiện nhà máy có 03 phân xưởng sản xuất chính là Phân xưởng Dệt – Phân xưởng Nhuộm – Phân xưởng May và các phòng ban chức năng phục vụ trực tiếp cho sản xuất của nhà máy. Tuy nhiên, từ cuối năm 2016, Nhà máy đã tạm dừng hoạt động.

❖ Công ty con và các đơn vị thành viên khác:

- + Công ty cổ phần May Thanh Trì: Công ty Cổ phần Tập đoàn Haprosimex tham gia góp 10.600.000.000 đồng chiếm 53% vốn điều lệ.
- + Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thanh Hà: Công ty Cổ phần Tập đoàn Haprosimex tham gia góp 3.420.000.000 đồng chiếm 26,93% vốn điều lệ.
- + Công ty Cổ phần Haprosimex - Đông Đô: Công ty Cổ phần Tập đoàn Haprosimex tham gia góp 8.829.000.000 đồng chiếm 33,96% vốn điều lệ

3. Cơ cấu cổ đông

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%) / Vốn điều lệ thực góp
1	Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	11.974.500	119.745.000.000	99,79%
2	Các cổ đông khác	25.500	255.000.000	0,21%
	Tổng cộng	12.000.000	120.000.000.000	100,0%

Nguồn: Haprosimex

4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	287.620.947.165	269.785.251.712	(6,20%)
Vốn chủ sở hữu	(124.027.691.482)	(162.132.013.398)	30,72%
Doanh thu thuần	2.073.934.090	2.090.128.492	0,78%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(21.331.585.490)	(18.721.889.022)	(12,23%)
Lợi nhuận khác	(18.832.251.368)	(19.382.432.894)	2,92%
Lợi nhuận trước thuế	(40.163.836.858)	(38.104.321.916)	(5,13%)
Lợi nhuận sau thuế	(40.163.836.858)	(38.104.321.916)	(5,13%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

Nguồn: BCTC năm 2019, 2020 đã kiểm toán của Công ty

(*) CTCP Tập đoàn Haprosimex có công ty con là CTCP May Thanh Trì, tuy nhiên Công ty không thực hiện lập báo cáo tài chính hợp nhất với công ty con.

Từ năm 2017 đến nay, Công ty CP Tập đoàn Haprosimex chỉ còn duy trì hoạt động cầm chừng với 2 hoạt động chính là các đơn hàng dệt và cho thuê văn phòng, nhà xưởng. Năm 2021, Công ty chỉ còn hoạt động cho thuê văn phòng tại địa chỉ số 22 Hàng Lược, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và tại Nhà máy Dệt kim, hợp tác kinh doanh tại số 15 Đội Cấn, Hà Nội.

❖ Ý kiến của đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến:

- (1) Các khoản công nợ phải thu ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ với các đối tượng có liên quan. Cụ thể:

Khoản mục	Số dư tại ngày 31/12/2020 (đồng)	Số chưa được đối chiếu, xác nhận (đồng)	Tỷ lệ chưa được đối chiếu
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	29.085.826.297	29.085.826.297	100%
Trả trước cho người bán ngắn hạn	13.811.127.253	13.811.127.253	100%
Phải thu ngắn hạn khác	18.019.044.540	18.019.044.540	100%
Cộng	60.915.998.090	60.915.998.090	

Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi không được cung cấp thông tin và địa chỉ để gửi thư xác nhận đối với các khoản công nợ chưa được xác nhận nêu trên, trong đó, chúng tôi không được cung cấp hồ sơ cũng như xác nhận công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với số dư các khoản phải thu của Chi nhánh Hồ Chí Minh chuyển về Văn phòng Haprosimex do Chi nhánh này đã chấm dứt hoạt động từ ngày 29 tháng 12 năm 2016, cụ thể:

Đối tượng	Số dư tại 31/12/2020
Phải thu khách hàng	7.515.027.519
- Công ty cổ phần Nam Hà Việt	7.215.027.519
- Cơ sở Phú Mỹ	300.000.000
Trả tiền trước cho người bán	11.092.192.257
- Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận TM Nam Tiến	496.959.000
- Doanh nghiệp tư nhân Tính Nên	6.011.633.257
- Công ty CP trồng rừng Trường An	4.583.600.000
Phải thu khác	38.659.660
- Công ty TNHH MTV Mạnh Chuân – Gia Canh – Định Quán	38.659.660

Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và khả năng thu hồi của các khoản công nợ chưa được đối chiếu nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- (2) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán là 60.513.541.530 đồng, chi tiết:

Khoản mục	Văn phòng Công ty	Nhà máy dẹt kim	Tổng cộng	Số dư phòng cần trích lập tại 31/12/2020	Thuyết minh
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	26.623.432.941	2.462.393.356	29.085.826.297	29.085.826.297	V.03

Khoản mục	Văn phòng Công ty	Nhà máy dệt kim	Tổng cộng	Số dự phòng cần trích lập tại 31/12/2020	Thuyết minh
+ Trước giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp	26.623.432.941	126.110.505	26.749.543.446	26.749.543.446	
+ Sau giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp, trước chuyển đổi sang CTCP	-	2.336.282.851	2.336.282.851	2.336.282.851	
Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.637.405.002	1.173.722.251	13.811.127.253	-	V.04
+ Trước giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp	12.637.405.002	544.691.671	13.182.096.673		
+ Sau giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp, trước chuyển đổi sang CTCP	-	629.030.580	629.030.580		
Tạm ứng	4.799.045.064	282.512.170	5.081.557.234	-	V.06
+ Trước giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp	3.227.703.881	3.100.000	3.230.803.881	3.230.803.881	
+ Sau giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp, trước chuyển đổi sang CTCP	1.571.341.183	279.412.170	1.850.753.353	1.850.753.353	
Phải thu ngắn hạn khác	10.900.624.106	1.634.406.640	12.535.030.746	12.535.030.746	V.06
+ Trước giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp	10.900.624.106	89.324.718	10.989.948.824	10.989.948.824	
+ Sau giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp, trước chuyển đổi sang CTCP	-	1.545.081.922	1.545.081.922	1.545.081.922	
Cộng	54.960.507.113	5.553.034.417	60.513.541.530	46.702.414.277	

Theo quy định của thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 hướng dẫn trích lập các khoản dự phòng, số dự phòng nợ phải thu quá hạn cần trích lập dự phòng là 46.702.414.277 đồng, số công nợ cần xem xét xử lý vào tổn thất là 13.811.127.253 đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn và xử lý tổn thất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Nếu thực hiện trích lập dự phòng và xử lý tổn thất theo Thông tư 48/2019/TT-BTC và chế độ kế toán hiện hành thì trên Bảng cân đối kế toán chỉ tiêu “Dự phòng nợ phải thu khó đòi” (mã số 137) tăng lên 46.702.414.277 đồng, chỉ tiêu “Trả trước cho người bán ngắn hạn” (mã số 132) giảm 13.811.127.253 đồng, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) giảm 60.513.541.530 đồng, trên Báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” (mã số 26) tăng lên 60.513.541.530 đồng, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế TNDN” (mã số 60) giảm đi 60.513.541.530 đồng.

- (3) Giá trị tài sản thiếu chờ xử lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.963.125.801 đồng (xem thuyết minh V.05). Tuy nhiên, Công ty chưa đưa ra quyết định xử lý liên quan đến giá trị tài sản thiếu nêu trên. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết có liên quan đến giá trị tài sản thiếu nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các yếu tố có liên quan đến Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- (4) Giá trị tài sản tài sản thừa chờ xử lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.911.139.378 đồng (xem thuyết minh V.17). Tuy nhiên, Công ty chưa đưa ra quyết định xử lý liên quan đến giá trị tài sản thừa nêu trên. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết có liên quan đến giá trị tài sản thừa nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các yếu tố có liên quan đến Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- (5) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư phải thu ngắn hạn khác của Công ty tại Nhà máy dệt kim giai đoạn sau xác định giá trị doanh nghiệp là 1.545.081.922 đồng. Trong đó, tổng công nợ phải thu do Nhà máy đã chi trả gốc vay và lãi vay vượt so với số gốc vay và lãi vay phải trả (trên phiếu chi ghi nội dung chi trả gốc vay và lãi vay) là 821.500.000 đồng và số tiền chi trả nhưng không có hợp đồng vay là 9.800.000 đồng. Do không được cung cấp đầy đủ hợp đồng vay liên quan đến các khoản vay này, chúng tôi không thể xác định được tính đầy đủ, tính chính xác của khoản chi nêu trên, cũng như các yếu tố có liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- (6) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang của công trình nhà máy nước Đông Anh là 42.567.595.223 đồng. Theo quyết định của UBND thành phố về việc phê duyệt dự án “Xây dựng hệ thống cấp nước Cụm công nghiệp dệt may Đông Anh”, thời gian hoàn thành xây dựng và đưa công trình vào sử dụng là tháng 12 năm 2004. Tuy nhiên đến thời điểm này, dự án đã xây dựng hoàn thành và đã có Báo cáo kiểm toán vốn đầu tư số 740/BCKT-VD ngày 28/11/2011 nhưng dự án chưa tiến hành chạy thử và bàn giao đưa vào sử dụng. Công ty chưa ký hợp đồng thuê đất với Ban quản lý Cụm công nghiệp Đông Anh, do đó tiền thuê đất chưa được hạch toán. Công ty chưa làm việc cụ thể với Ban quản lý dự án Cụm Công nghiệp Đông Anh để làm rõ số tiền thuê đất phải trả. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các yếu tố liên quan đến Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- (7) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang của công trình Lò than là 195.342.808 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa được cung cấp hồ sơ liên quan đến chi phí xây dựng công trình nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty cũng như các yếu tố có liên quan đến Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản công nợ phải trả ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ với các đối tượng có liên quan. Cụ thể:

Khoản mục	Số dư tại ngày 31/12/2020 (VND)	Số chưa được đối chiếu, xác nhận (VND)	Số đã được đối chiếu, xác nhận (VND)	Tỷ lệ chưa được đối chiếu
Phải trả người bán ngắn hạn	9.157.238.898	8.625.900.487	862.232.070	91%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.768.244.635	1.768.244.635	-	100%

Khoản mục	Số dư tại ngày 31/12/2020 (VND)	Số chưa được đối chiếu, xác nhận (VND)	Số đã được đối chiếu, xác nhận (VND)	Tỷ lệ chưa được đối chiếu
Phải trả ngắn hạn khác	131.197.903.600	49.550.640.641	81.647.262.959	38%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	248.130.796.743	8.133.800.000	239.996.996.743	3%
Cộng	390.254.183.876	68.078.585.763	322.506.491.772	

Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ thông tin và địa chỉ để gửi thư xác nhận đối với các khoản công nợ chưa được xác nhận nêu trên. Trong đó, chúng tôi không được cung cấp hồ sơ cũng như xác nhận công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với số dư các khoản phải trả của Chi nhánh Hồ Chí Minh chuyển về Văn phòng Haprosimex do Chi nhánh này đã chấm dứt hoạt động từ ngày 29 tháng 12 năm 2016, cụ thể:

Đối tượng	Số dư tại 31/12/2020 (VND)
Phải trả người bán	376.218.640
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nam Trung- 55/317A Quang Trung, P10, Q. Gò Vấp, TP. HCM	3.908.640
- DNTN Việt Vân - 08 I đường Cách mạng - TP Pleiku - Gia Lai	369.580.000
- Công ty TNHH Kim Liên - 3A/7 Tân Kiểng - Q7 - TP HCM	2.730.000
Người mua trả tiền trước	217.476.581
- FRUITS and NUTS EXPORTS – 165 Dippitigoda, Srilanka	87.437.939
- IBRAHIM TRADING COMPANY - Gole Karyana, Pakistan	42.638.642
- LANKAM EXPO – SRILANKA	87.400.000

Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản công nợ chưa được đối chiếu nêu trên và chúng tôi cũng không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư các khoản công nợ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- (8) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư khoản mục “Người mua trả tiền trước” trên Bảng cân đối kế toán là 1.768.244.635 đồng, trong đó số của Nhà máy dệt kim là 1.353.773.211 đồng. Chúng tôi không được cung cấp hợp đồng hoặc đơn đặt hàng liên quan đến các khoản người mua trả tiền trước nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được tính phù hợp, tính chính xác của các khoản người mua trả tiền trước này, cũng như các yếu tố có liên quan đến Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- (9) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư khoản mục “Chi phí phải trả” (mã số 315) trên Bảng cân đối kế toán là 13.957.083.981 đồng (số dư tại ngày 01/01/2020 là 10.921.264.721 đồng). Đến thời điểm hiện tại, chúng tôi chưa được cung cấp hồ sơ liên quan đến số dư của các khoản chi phí phải trả cuối năm nêu trên của số tiền là 5.322.612.389 đồng (chi tiết thuyết minh V.16). Do vậy, chúng tôi không thể xác định

được các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản chi phí phải trả đã được ghi nhận này, cũng như các yếu tố có liên quan đến Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- (10) Tại ngày 31/12/2020, Công ty chưa ghi nhận lãi chậm thanh toán theo hợp đồng với Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng 18, số tiền 2.175.938.254 đồng. Nếu ghi nhận chi phí lãi chậm thanh toán nêu trên thì trên Bảng cân đối kế toán chỉ tiêu “Chi phí phải trả” (mã số 315) tăng 2.175.938.254 đồng, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) giảm 2.175.938.254 đồng, đồng thời trên Báo cáo kết quả Kinh doanh chỉ tiêu “Chi phí khác” (mã số 32) tăng 2.175.938.254 đồng, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế TNDN” (mã số 60) giảm 2.175.938.254 đồng.
- (11) Số dư các khoản vay cá nhân nợ ngắn hạn của cá nhân tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 10.820.800.000 đồng, trong đó:
- ✓ Số dư vay cá nhân ngắn hạn tại Văn phòng Haprosimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 7.978.000.000 đồng. Văn phòng Công ty không có bảng theo dõi gốc vay cá nhân theo từng hợp đồng, khế ước nhận nợ. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định số dư hiện tại của các gốc vay cá nhân là của hợp đồng và khế ước nào. Do vậy, chúng tôi không xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với khoản chi phí lãi vay cá nhân đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận cũng như các yếu tố có liên quan đến Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - ✓ Số dư các khoản vay và nợ ngắn hạn tại Nhà máy dệt kim tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.842.800.000 đồng chưa có xác nhận của các cá nhân cho vay. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với khoản vay ngắn hạn của các cá nhân, cũng như các yếu tố có liên quan của Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - ✓ Công ty chưa ghi nhận chi phí lãi vay ước tính từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền 8.484.027.500 đồng với lãi suất vay từ 1,65% đến 2%/tháng. Nếu ghi nhận chi phí lãi vay nêu trên thì trên Bảng cân đối kế toán chỉ tiêu “Chi phí phải trả” (mã số 315) tăng 8.484.027.500 đồng, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) giảm 8.484.027.500 đồng, đồng thời trên Báo cáo kết quả Kinh doanh chỉ tiêu “Chi phí tài chính” (mã số 22) tăng 8.484.027.500 đồng, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế TNDN” (mã số 60) giảm 8.484.027.500 đồng.
- (12) Theo Biên bản thanh tra thuế tại Công ty Cổ phần tập đoàn Haprosimex và Chi nhánh Công ty TNHH MTV Haprosimex – Nhà máy Dệt kim Haprosimex ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Cục thuế thành phố Hà Nội, tổng số tiền chưa nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty đến ngày 30 tháng 7 năm 2018 là 4.934.516.839 đồng. Tuy nhiên, số dư khoản mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trên Báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm tương ứng là 8.493.219.386 đồng, chênh lệch lớn hơn số dư nợ thuế theo thông báo là 3.558.702.547 đồng (xem thuyết minh V.14). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa làm rõ nguyên nhân để xử lý khoản chênh lệch nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được tính đầy đủ, tính chính xác của khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, cũng như các yếu tố có liên quan của Bảng cân đối kế toán;

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- (13) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết là Công ty Cổ phần HAP Capital là 6.818.542.000 đồng (xem thuyết minh V.02). Theo bảng thông tin tra cứu trên trang thông tin điện tử của Tổng cục thuế, người nộp thuế đã ngừng hoạt động và chưa hoàn thành các thủ tục đóng mã số thuế, tuy nhiên, Công ty chưa đưa ra quyết định xử lý khoản tổn thất liên quan đến khoản đầu tư dài hạn này.
- (14) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư khoản đầu tư vào cơ sở sản xuất mây tre đan của hộ gia đình Nguyễn Đắc Chiến là 290.642.400 đồng. Đến thời điểm hiện tại, cơ sở sản xuất của ông Chiến đã dừng hoạt động và ông Chiến cũng đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú nhưng Công ty chưa đưa ra quyết định xử lý khoản tổn thất liên quan đến khoản đầu tư này.
- (15) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn. Nếu thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn sẽ làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm: “Chi phí tài chính” (mã số 22) tăng lên với số tiền 23.468.470.469 đồng, “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” (mã số 50) và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” (mã số 60) cùng giảm đi với số tiền 23.468.470.469 đồng; “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn” (Mã số 254) và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tăng lên và giảm đi lần lượt là 23.468.470.469 đồng và 23.468.470.469 đồng.

Tổng hợp toàn bộ các bút toán điều chỉnh các khoản mục có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính, bao gồm các bút toán điều chỉnh từ các ý kiến số (2), (11), (12), (16) trên Bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu “Dự phòng nợ phải thu khó đòi” (mã số 137) tăng 46.702.414.277 đồng, chỉ tiêu “Trả trước cho người bán ngắn hạn” (mã số 132) giảm 13.811.127.253 đồng, chỉ tiêu “Chi phí phải trả” (mã số 315) tăng 10.659.965.754 đồng, chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn” (mã số 254) tăng 23.468.470.469 đồng, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) giảm 94.641.977.753 đồng; trên Báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” (mã số 26) tăng 60.513.541.530 đồng, chỉ tiêu “Chi phí tài chính” (mã số 22) tăng 31.952.497.969 đồng, chỉ tiêu “Chi phí khác” (mã số 32) tăng 2.175.938.254 đồng, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế TNDN” (mã số 60) giảm đi 91.772.987.999 đồng.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như thuyết minh VIII.04, trong năm 2020, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 282.122.971.322 đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu 162.132.013.398 đồng. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 352.748.839.845 đồng. Tuy nhiên từ ngày 01 tháng 08 năm 2017, Công ty chuyển đổi từ mô hình Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước sang Công ty Cổ phần. Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01 tháng 8 năm 2017 là lỗ lũy kế giai đoạn cổ phần hóa từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 đến ngày 31 tháng 7

năm 2018 là 99.087.957.824 đồng. Công ty đang chờ quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền về số lỗ nêu trên. Do vậy, Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2019	2020
<u>1.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,01	0,01
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,01	0,01
<u>2.Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	143,12	160,10
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	(331,90)	(266,40)
<u>3.Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(1.936,60)	(1.823,06)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	n/a	n/a
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	(13,52)	(14,12)
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	(1.028,56)	(895,73)
Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần (EPS) (đồng/CP) (Mệnh giá: 10.000đ/CP)	đồng	(3.347)	(3.175)

n/a: không tính toán do số liệu so sánh âm

6. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2021

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2021.

7. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Căn cứ theo Quyết định số 7475/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước của Công ty TNHH MTV Haprosimex theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu chuyển đổi Công ty TNHH MTV Haprosimex thành công ty cổ phần, Haprosimex đang quản lý và sử dụng 04 cơ sở nhà, đất sau:

TT	Địa chỉ đất	Diện tích	Mục đích sử dụng	Hình thức, hồ sơ pháp lý, thời hạn sử dụng
1	Số 22, phố Hàng Lược, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	353 m2	Làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm, thời hạn sử dụng: thuê 50 năm kể từ ngày 15/10/1993.

TT	Địa chỉ đất	Diện tích	Mục đích sử dụng	Hình thức, hồ sơ pháp lý, thời hạn sử dụng
				GCN QSDĐ số AI 25661 ngày 29/6/2009 của UBND TP HN; Quyết định số 7475/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND TP. Hà Nội; Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND TP. Hà Nội
2	Số 115 phố Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	81 m ²	Làm cơ sở sản xuất kinh doanh	Hợp đồng thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước số 245/XNBĐ/HĐTNCD ngày 16/9/2014; Quyết định số 7475/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND TP. Hà Nội; Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND TP. Hà Nội
3	Khu CN Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	30.862,75 m ²	Làm cơ sở sản xuất kinh doanh	Hợp đồng thuê đất và sử dụng tiện tích số 01/HĐ-CCN (CN-04) ngày 6/9/2006; Quyết định số 7475/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND TP. Hà Nội; Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND TP. Hà Nội
4	Lô số 1 - CN1, Cụm CN vừa và nhỏ Nguyên Khê, huyện Đông Anh, Hà Nội	7.800 m ²	Xây dựng trạm cung cấp nước	Chứng chỉ Quy hoạch số 33/2003/CCQH-BQL ngày 16/4/2003 của UBND TP HN; Quyết định số 7475/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND TP. Hà Nội; Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND TP. Hà Nội; Công văn số 2822/UB-KH&DT ngày 16/10/2002 của UBND TP HN

Nguồn: Báo cáo thẩm định giá kèm theo Chứng thư định giá số 468/2021/UHY-BCTĐG ngày 06/08/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY và hồ sơ do liên quan

8. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu

Không có.

9. Thông tin về Khoản nợ phải thu tại Haprosimex bán kèm cổ phần

Theo Bảng đối chiếu và xác nhận công nợ từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 giữa DATC và Haprosimex

- Dư nợ đến hết ngày 31/12/2020 (căn cứ theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020 giữa DATC và Haprosimex) là: **318.697.235.302 đồng**, trong đó:
 - + Nợ gốc: 237.309.996.743 đồng
 - + Nợ lãi: 81.387.238.559 đồng
- Lãi phát sinh từ ngày 01/01/2021 đến hết 30/06/2021: **6.883.940.398 đồng**, trong đó:
 - + Lãi phát sinh từ 01/01/2021 đến hết 31/03/2021: 3.452.372.829 đồng (Lãi suất áp dụng là 5,9% theo Thông báo của DATC)
 - + Lãi phát sinh từ 01/04/2021 đến hết 30/06/2021: 3.431.567.569 đồng (Lãi suất áp dụng là 5,8% theo Thông báo của DATC)
- Tổng dư nợ đến hết ngày 30/06/2021 (gộp gốc và lãi): **325.581.175.700 đồng**.

Giá trị khoản nợ phải thu xác định bằng giá trị tài sản đảm bảo tại thời điểm 31/12/2020 theo Chứng thư định giá số 468/2021/UHY-BCTĐG ngày 06/08/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
I	Nợ có tài sản đảm bảo: xác định bằng giá trị còn lại của TSĐB theo Báo cáo kết quả thẩm định giá vốn chủ sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Haprosimex, trong đó:	208.027.003.402
-	Cổ phiếu của Công ty cổ phần May Thanh Trì	5.235.312.256
-	Nhà hàng Lược	4.166.801.803
-	Nhà xưởng và máy móc thiết bị thuộc Nhà máy dệt Kim	151.387.371.427
-	Trạm xử lý và cung cấp nước sạch cụm Công nghiệp dệt may Đông Anh	42.567.595.223
-	Dự án di dời đầu tư và chuyển đổi năng lực sản xuất XN Mũi xuất khẩu	4.669.922.693
II	Nợ phải trả Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	318.697.235.302
-	Xử lý lỗ lũy kế trước giai đoạn cổ phần hóa theo Quyết định 4798/QĐ-UBND ngày 01/09/2016 của UBND Thành phố Hà Nội và vận dụng Thông tư số 69/2018/TT-BTC ngày 08/08/2018 hướng dẫn tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước không đủ điều kiện cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần	(99.087.957.824)

III	Nợ phải trả Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam sau khi xử lý lỗ của Công ty CP Tập đoàn Haprosimex theo giá trị sổ sách	219.609.277.478
IV	Giá trị khoản nợ phải thu của DATC tại Công ty CP Tập đoàn Haprosimex được xác định lại	208.027.003.402

Thông tin về tài sản bảo đảm khoản nợ

TT	Danh mục tài sản bảo đảm	Giá trị sổ sách (đồng)	Giá trị đánh giá lại (đồng)	Ghi chú
1	Trụ sở làm việc cao 04 tầng của Công ty CP Tập đoàn Haprosimex	2.492.612.511	4.166.801.803	
	Tài sản được xây dựng trên lô đất 353,4m ² tại địa chỉ số 22 Hàng Lược, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội			Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 225661 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 29/06/2009; Diện tích đất: 353,4m ² ; Mục đích sử dụng đất: Trụ sở làm việc (đất cơ sở sản xuất, kinh doanh); Thời hạn sử dụng: Thuê 50 năm kể từ ngày 15/10/1993; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
2	Tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án xí nghiệp dệt kim	218.869.000.000	151.387.371.427	
	Dây chuyền máy móc thiết bị, nhà xưởng, nhà điều hành, nhà ăn ca, hội trường, nhà bảo vệ, hệ thống tường rào, nhà để xe, trạm biến thế, các công trình xây dựng khác gắn liền với khu đất thuê có diện tích 34.077m ² tại Khu công nghiệp Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội			Diện tích đất thực tế: 30.862,85m ² , phần diện tích đất còn lại (3.214,15m ²) đã được Công ty TNHH MTV Haprosimex dùng để đối trừ công nợ với Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng 18 vào năm 2010
3	Tài sản Dự án “Trạm xử lý và cung cấp nước sạch cụm công nghiệp dệt may Đông Anh”	39.400.000.000	42.567.595.223	
	Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của Dự án “Trạm xử lý và cung cấp nước sạch cụm công nghiệp dệt may Đông Anh công suất 10.000m ³ /ngày)			Dự án chưa đưa vào hoạt động và chưa ký Hợp đồng thuê đất
4	Tài sản “Dự án di dời đầu tư và chuyển đổi năng lực sản xuất XN Mũ xuất khẩu”	28.225.810.853	4.669.922.693	

	Tài sản hình thành trong tương lai của dự án Di dời đầu tư và chuyển đổi năng lực sản xuất của Xí nghiệp mũ xuất khẩu			Xí nghiệp mũ xuất khẩu đã được chuyển đổi thành Công ty CP Haprosimex Đồng Đô vào năm 2010. Hiện tại, CTCP Tập đoàn Haprosimex nắm giữ 882.900 cổ phần của CTCP Haprosimex Đồng Đô, tương đương 33,958% vốn điều lệ tại thời điểm góp vốn
5	1.060.000 cổ phần Công ty CP May Thanh Trì của Công ty TNHH MTV Haprosimex	7.526.000.000	5.235.312.256	
	Tổng cộng	296.513.423.364	208.027.003.402	

V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU

1. Loại cổ phần

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Lô cổ phần kèm nợ phải thu dự kiến chuyển nhượng

- **Tổng số lượng cổ phần chuyển nhượng:** 11.974.500 cổ phần tương ứng tỷ lệ 99,79% vốn điều lệ (Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần).
- **Tổng giá trị khoản nợ phải thu thực hiện chuyển nhượng theo sổ sách tại thời điểm 30/06/2021 là:** 325.581.175.700 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 237.309.996.743 đồng; Nợ lãi: 88.271.178.957 đồng).

4. Giá khởi điểm đấu giá

238.752.159.389 đồng/lô cổ phần kèm nợ phải thu, trong đó:

- Giá khởi điểm bán 11.974.500 cổ phần là: 23.949.000.000 đồng
- Giá khởi điểm bán khoản nợ phải thu là: 214.803.159.389 đồng

5. Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm

- ❖ Công ty Cổ phần Tập đoàn Haprosimex là công ty cổ phần chưa niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, căn cứ quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 29 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 (được bổ sung tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018)

" c) Việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn: Doanh nghiệp nhà nước lựa chọn ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về thẩm định giá; xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra ngoài bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hàng năm), giá trị

các quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm giá trị văn hóa, lịch sử khác, nhãn hiệu, tên thương mại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Việc sử dụng một mức giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn theo các phương thức quy định tại Nghị định này phải đảm bảo nguyên tắc thời gian tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày giao dịch cuối cùng (đối với trường hợp giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán), hoặc tính đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn (đối với phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh), hoặc tính đến ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (theo phương thức thỏa thuận”.

- ❖ Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 468/2021/UHY/BCTĐG do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ban hành ngày 06/08/2021, phương pháp thẩm định giá được sử dụng là phương pháp tài sản. Kết quả thẩm định giá như sau:
 - Giá trị phần vốn chủ sở hữu của DATC tại Công ty CP Tập đoàn Haprosimex
 - Giá trị 1 cổ phần: (9.181) đồng/cổ phần
 - Giá trị phần vốn chủ sở hữu của DATC tại Haprosimex: (109.940.663.312) đồng
 - Giá trị khoản nợ phải thu của DATC tại Công ty CP Tập đoàn Haprosimex: 208.027.003.402 đồng
- ❖ Căn cứ Báo cáo tư vấn Giá khởi điểm số 469/2021/UHY-BCTĐG do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ban hành ngày 06/08/2021, giá trị phần vốn chủ sở hữu của DATC sở hữu tại Công ty CP Tập đoàn Haprosimex sau khi xử lý lỗ lũy kế trước giai đoạn cổ phần hóa theo Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 01/09/2016 của UBND Thành phố Hà Nội như sau:
 - Giá trị phần vốn chủ sở hữu của DATC tại Công ty CP Tập đoàn Haprosimex
 - Giá trị 1 cổ phần: (924) đồng/cổ phần
 - Giá trị phần vốn chủ sở hữu của DATC tại Haprosimex: (11.063.267.399) đồng
 - Giá trị khoản nợ phải thu của DATC tại Công ty CP Tập đoàn Haprosimex: 208.027.003.402 đồng
- ❖ Để bảo toàn và tối đa hóa lợi ích nhà nước khi chuyển nhượng vốn, HĐQT của DATC đã ban hành Nghị quyết số 36/NQ-HĐTV ngày 17/09/2021 về việc phương án chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của DATC tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Haprosimex, theo đó mức giá khởi điểm chào bán lô cổ phần kèm nợ phải thu là: **238.752.159.389 đồng**. Trong đó:
 - Giá khởi điểm bán 11.974.500 cổ phần là: 23.949.000.000 đồng
 - Giá khởi điểm bán khoản nợ phải thu là: 214.803.159.389 đồng

6. Phương thức chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu

Bán đấu giá công khai (theo lô). Toàn bộ số cổ phần và khoản nợ phải thu được xác định là 01 (một) lô.

7. Tổ chức thực hiện bán đấu giá

Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)

8. Thời gian thực hiện chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu

Quý IV/2021

9. Thời gian đăng ký mua lô cổ phần kèm nợ phải thu dự kiến

Được quy định cụ thể tại Quy chế bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Haprosimex do SHS ban hành.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Haprosimex hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

Giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài với một số ngành nghề có quy định cụ thể như sau:

STT	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (theo quy định pháp luật liên quan)	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)
1	Vận tải hành khách bằng đường bộ	Nghị định 163/2017/NĐ-CP: Không quá 51%	WTO, FTAs, AFAS: Không quá 49%
2	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Nghị định 163/2017/NĐ-CP: Không quá 51%	WTO, FTAs: Không vượt quá 49% AFAS: Không quá 70%
3	In ấn Chi tiết: In và các dịch vụ liên quan đến in (Trừ loại hình Nhà nước cấm).	Nghị định 31/2021/NĐ-CP: 0%	WTO: 0%
4	Bán buôn gạo Chi tiết: Mua bán lương thực (Trừ loại nhà nước cấm)	Nghị định 31/2021/NĐ-CP: 0%	WTO: 0%

Như vậy, tỷ lệ sở hữu của nước ngoài tại Công ty là 0%.

Tại thời điểm ngày 30/09/2021, Công ty Cổ phần Tập đoàn Haprosimex không có cổ đông nước ngoài.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu

Không có

12. Các loại thuế có liên quan:

Tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam phải chịu thuế thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

13. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu:

Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu sẽ kế thừa toàn bộ quyền chủ

nợ từ DATC, toàn bộ quyền lợi, nghĩa vụ của DATC tại Haprosimex, bao gồm các cam kết của DATC với UBND thành phố Hà Nội theo các Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 01/09/2016, Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 về việc phê duyệt và điều chỉnh, bổ sung phương án tái cơ cấu chuyển đổi Công ty TNHH MTV Haprosimex thành Công ty cổ phần Tập đoàn Haprosimex.

VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU

Việc chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại Công ty cổ phần Tập đoàn Haprosimex được thực hiện theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐTV ngày 16/4/2021 và Nghị quyết số 36/NQ-HĐTV ngày 17/09/2021 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam.

Đồng thời, việc chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại Công ty cổ phần Tập đoàn Haprosimex sẽ bổ sung vào dòng tiền thu được của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam một khoản ước tính theo giá khởi điểm là 238,7 tỷ đồng.

VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI CHUYỂN NHƯỢNG LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU

1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)

Trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website: www.shs.com.vn

Điện thoại: (84.24) 3818 1888 Fax: (84.24) 3818 1688

CN TP.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84.28) 3915 1368 Fax: (84.28) 3915 1369

CN Đà Nẵng: Tầng 8, tòa nhà Thành Lợi 2, số 3 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, Đà Nẵng

Điện thoại: (84.236) 3525 777 Fax: (84.236) 3525 779

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc

Địa chỉ: Liền kề 7 - TT2 số, 96B Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 024 3994 7969 Fax: 024 3793 1429

Website: www.aascn.com.vn

3. Tổ chức thẩm định giá:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà HL, ngõ 82, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.37557.446 Fax: 024.37557.448

Website: www.uhy.vn

VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM KHOẢN NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2021

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU LÔ CỔ PHẦN KÈM NỢ PHẢI THU CHUYỂN NHƯỢNG

CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TRƯỞNG BAN PHỤ TRÁCH BAN MUA BÁN NỢ 1



NGUYỄN HẢI ĐÔNG

